

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tái cơ cấu vận tải đường thủy nội địa đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 04 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành giao thông vận tải phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3177/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành chương trình hành động triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành giao thông vận tải phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4910/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án tái cơ cấu lĩnh vực đường thủy nội địa đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu vận tải đường thủy nội địa đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Quán triệt tinh thần của Hiến pháp năm 2013; Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 24/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tái cơ cấu tổng thể ngành giao thông vận tải và Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

b) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đường thủy nội địa để đẩy mạnh hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước;

c) Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa đảm bảo phù hợp với quy hoạch. Huy động tối đa mọi nguồn lực nhằm tạo đột phá trong phát triển đồng bộ giữa luồng tuyến, cảng bến, số lượng và chủng loại phương tiện vận tải thủy theo cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường;

d) Phát triển vận tải thủy nội địa kết nối đồng bộ giữa các phương thức vận tải khác tại các đầu mối cảng thủy nội địa, cảng biển, ga đường sắt; phát triển thị trường vận tải thủy nội địa có cơ cấu chủ yếu đảm nhận vận tải hàng rời khối lượng lớn (khoáng sản, xi măng, vật liệu xây dựng...), vận tải hàng siêu trường, siêu trọng, container;

đ) Tiếp tục đổi mới nguồn nhân lực theo Nghị quyết Trung ương khóa XI và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ; lấy nhân lực và công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng của vận tải thủy nội địa;

e) Đổi mới phương pháp, nâng cao năng lực thống kê, dự báo và phân tích thị trường hoạt động vận tải thủy nội địa; hoàn thiện và đổi mới phương thức xây dựng và quản lý hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động vận tải thủy.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển vận tải

- Sản lượng hàng hóa đường thủy nội địa năm 2014 đạt khoảng 187 triệu tấn/năm, thị phần vận tải chiếm khoảng 17,5%; phấn đấu đến năm 2020 hàng hóa liên tỉnh đạt khoảng 356 triệu tấn/năm thị phần vận tải chiếm khoảng 32,4%, vận tải hành khách liên tỉnh đạt khoảng 0,17% khối lượng vận tải toàn ngành, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải và giảm chi phí vận tải.

- Phương tiện tự hành hiện có khoảng 201.900 phương tiện với tổng tải trọng là 11,3 triệu tấn, đội tàu lai dắt có 5.444 phương tiện, sà lan 9.344 chiếc với

tải trọng 3,3 triệu tấn, phương tiện chở khách hiện có 11.675 chiếc với 371.955 ghế; phần đầu đến năm 2020 tổng trọng tải phương tiện thủy nội địa chở hàng khoảng 26-30 triệu tấn, tổng số ghế phương tiện thủy nội địa chở khách khoảng 750.000 ghế.

- Phát triển vận tải sông pha biển (VR-SB): hiện tại có 284 phương tiện SB tham gia vận chuyển tuyến sông pha biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang; phần đầu năm 2020 có trên 1000 phương tiện SB tham gia hoạt động tuyến sông pha biển.

- Đến năm 2020 tăng bình quân hàng năm từ 1% đến 3% số lượng phương tiện vận tải thủy các loại, đáp ứng nhu cầu phát triển vận tải thủy nội địa tại khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam. Trong đó khu vực phía Bắc tập trung phát triển loại phương tiện thủy trọng tải 150-500 tấn (hiện có 4.788 chiếc với trọng tải 1,4 triệu tấn), khu vực phía Nam tập trung phát triển loại phương tiện thủy trọng tải 150-500 tấn (hiện có 4.371 chiếc với trọng tải 1,5 triệu tấn) và loại phương tiện loại 500-1.000 tấn (hiện có 1.657 chiếc với trọng tải 1,21 triệu tấn).

b) Về phát triển cảng, bến, tuyến vận tải

- Cảng hàng hóa: hiện có 123 cảng hoạt động với sản lượng hàng hóa thông qua đạt khoảng 35,4 triệu tấn; phần đầu đến năm 2020 có khoảng 160 cảng hàng hóa đưa vào khai thác, sản lượng hàng hóa đạt khoảng 92 triệu tấn.

- Cảng hành khách: hiện có 9 cảng hành khách đang hoạt động đạt 16 triệu lượt hành khách/năm; phần đầu đến năm 2020 có trên 30 cảng đưa vào hoạt động, đạt trên 30 triệu lượt hành khách/năm.

- Xã hội hóa đầu tư xây dựng cảng Phù Đổng thành cảng đầu mối khai thác container vận tải bằng đường thủy nội địa trên tuyến Quảng Ninh-Hải Phòng-Hà Nội.

- Cải tạo, nâng cấp 6 tuyến vận tải thủy gồm: tuyến vùng hồ Sơn La, tuyến Vũng Tàu-Thị Vải-Sài Gòn-Mỹ Tho-Cần Thơ, tuyến sông Đồng Nai, tuyến kênh Chợ Gạo giai đoạn II, sông Hàm Luông, sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi đến cầu Bến Súc.

II. CÁC GIẢI PHÁP TÁI CƠ CẤU VẬN TẢI

1. Đổi mới thể chế chính sách, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

a) Xây dựng các Thông tư quy định về vận tải hàng hóa; hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí; quy định về nạo vét tận thu sản phẩm; quy định về chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí luồng, lạch đối với luồng sông Sài Gòn địa (Phụ lục 1);

b) Cải cách hành chính công trong lĩnh vực vận tải đường thủy nội địa đạt mức độ 3 trong cấp phép vận tải thủy qua biên giới, cấp phép ra vào cảng bến

thủy nội địa; công bố giáo trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, ngân hàng câu hỏi thi và đáp án trên trang thông tin điện tử của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

c) Hoàn thiện phương án và phát triển tuyến vận tải container Hải Phòng-Việt Trì, khuyến khích các doanh nghiệp cảng đầu tư thiết bị xếp dỡ hàng container tại các cảng chính khu vực Việt Trì, Ninh Bình-Ninh Phúc, Long An, An Giang;

d) Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải đường thủy nội địa trình Thủ tướng Chính phủ theo hướng:

- Hỗ trợ 50% lãi suất ngân hàng đối với người kinh doanh vận tải đầu tư đóng mới tàu đẩy, kéo có trọng tải 600 tấn và công suất 135 sức ngựa trở lên; phương tiện tự hành có trọng tải 200 tấn và công suất 135 sức ngựa trở lên, tàu tự hành chở container từ 16 TEU trở lên tham gia vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

- Hỗ trợ 30% lãi suất ngân hàng trong đầu tư mua phương tiện chở khách hiện đại tốc độ cao đưa vào hoạt động trên các tuyến đường thủy nội địa.

- Hỗ trợ 20% lãi suất vay ngân hàng để đầu tư mua sắm thiết bị xếp dỡ container.

- Giảm 30% tiền thuê đất cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư mua sắm thiết bị xếp dỡ, xây dựng cảng thủy nội địa mới.

- Miễn lệ phí trước bạ đối với đóng mới phương tiện trở hàng container.

2. Nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch

a) Xây dựng quy hoạch đội tàu vận tải thủy nội địa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

b) Trong năm 2015, hoàn thành việc rà soát cập nhật, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông thủy nội địa đảm bảo kết nối giữa cảng thủy nội địa với phương thức vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển;

c) Phối hợp với địa phương rà soát, điều chỉnh quy hoạch đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa có cập nhật việc xã hội hóa.

3. Tăng cường kết nối, nâng cao hiệu quả và phát triển hài hòa các phương thức vận tải, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics

a) Tổ chức vận tải hợp lý trên các hành lang vận tải chính;

b) Tăng cường kết nối và phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics:

- Tăng cường vai trò vận tải đường sắt, đường thủy nội địa trên các hành lang vận tải chính kết nối với cảng biển Hải Phòng và Quảng Ninh, cảng biển

Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh; các cảng đường thủy nội địa Việt Trì, Ninh Bình-Ninh Phúc để đẩy mạnh vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics.

- Tiếp tục phát triển vận tải ven biển từ Quảng Ninh-Quảng Bình-Bình Thuận-Kiên Giang tăng thị phần vận tải nội địa trên hành lang Bắc-Nam.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công

a) Xây dựng tiêu chí quản lý chất lượng công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; tăng cường công tác bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa;

b) Xây dựng cơ chế, chính sách trình Thủ tướng chính phủ theo hướng:

- Ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí để cải tạo nâng cấp các tuyến vận tải thủy theo quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí vốn sự nghiệp kinh tế cho công tác bảo trì đường thủy nội địa hàng năm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ năm 2016 đến năm 2020 với mức đầu tư hàng năm tăng 40% so với số vốn hàng năm đã bố trí, tăng 15% nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cho các năm tiếp theo.

5. Khuyến khích thu hút đầu tư ngoài ngân sách

a) Xã hội hóa đầu tư xây dựng cảng Phù Đổng thành cảng đầu mối khai thác container vận tải bằng đường thủy nội địa kết hợp cảng ICD (Phụ lục 2);

b) Thí điểm triển khai xã hội hóa cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo giai đoạn II, sông Hàm Luông, sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi đến cầu Bến Súc trong năm 2016 theo hình thức PPP; triển khai các dự án còn lại theo đề án được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 4835/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014 (Phụ lục 2).

6. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu cổ phần hóa các doanh nghiệp ngành đường thủy nội địa

a) Trong năm 2015 hoàn thành tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp làm công tác đảm bảo giao thông, xây dựng lộ trình thoái vốn theo chủ trương của Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong năm 2016 thực hiện thí điểm đấu thầu công tác bảo trì đường thủy nội địa trên một số tuyến.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế

a) Hoàn thiện đề án tin học quản lý đăng ký phương tiện thủy và quản lý bằng (giấy chứng nhận khả năng chuyên môn) chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu đối với tàu biển, phương tiện thủy nội địa ra vào cảng thủy nội địa.

b) Năm 2016, rà soát các quy định nhằm tạo thuận lợi cho việc phát triển vận tải thủy giữa Việt Nam với các nước có chung biên giới đường thủy, đặc biệt giữa hai nước Việt Nam và Campuchia.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Thực hiện xã hội hóa 100% công tác đào tạo thuyền viên. Đổi mới giáo trình đào tạo, đào tạo lại tại các cơ sở đào tạo, tăng thời gian thực hành, tập huấn kỹ năng xử lý tình huống;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình đào tạo và cấp bằng chứng chỉ chuyên môn đối với thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

c) Xây dựng đề án vị trí việc làm, đảm bảo số lượng, chất lượng; tăng cường đào tạo nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng cho công chức, viên chức, lao động theo hình thức đào tạo, đào tạo lại;

9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thông tin tuyên truyền về vận tải thủy nội địa

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành giữa Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Cảnh sát giao thông, Cục Đăng kiểm Việt Nam để kiểm tra, giám sát: hoạt động vận tải hành khách, hoạt động khai thác cát sỏi, an toàn vận tải thủy, công tác đào tạo, đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tăng cường công tác tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp, phối hợp với cơ quan thông tấn, báo chí để phổ biến các quy định liên đến hoạt động quản lý, khai thác vận tải thủy nội địa.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Vận tải:

a) Đôn đốc, tổng hợp việc thực hiện Đề án, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ văn bản chỉ đạo các đơn vị có liên quan;

b) Chủ trì phối hợp với Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng báo cáo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ về các cơ chế, chính sách tại điểm d khoản 1 mục II của Quyết định này.

2. Vụ Kế hoạch - Đầu tư:

a) Chủ trì phối hợp với các Vụ Tài chính, Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công tư lập kế hoạch huy động và bố trí nguồn để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc phạm vi của Đề án;

b) Chủ trì hợp với các Vụ Tài chính, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và cơ quan liên quan báo cáo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ về các cơ chế, chính sách tại điểm b khoản 4 mục II của Quyết định này.

3. Các Vụ, Ban, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trong phạm vi

trách nhiệm của mình phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ theo nội dung của Đề án này.

4. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam:

a) Chủ trì triển khai thực hiện Đề án được phê duyệt tại Quyết định này;

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể Đề án theo từng giai đoạn, phân công trách nhiệm cụ thể đối với lãnh đạo và các phòng ban của Cục để đảm bảo tiến độ của Đề án;

c) Tổng hợp các nội dung của Đề án và báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện theo quý và 1 năm.

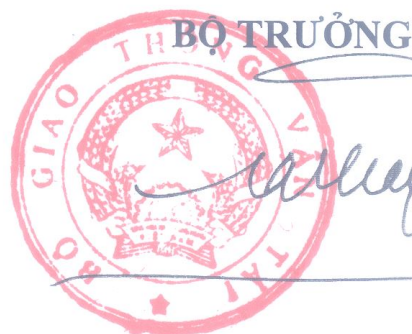
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

lh

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Xây dựng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT ; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, V.Tài.



Đình La Thăng

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC XÂY DỰNG VẤN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quyết định số 4385/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 4 năm 2015)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Thông tư quy định về chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí luồng, lạch đối với luồng sông Sài Gòn	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Tài chính	2015
2	Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng bên kết hợp tận thu sản phẩm.	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ KCHT	2015
3	Xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí cảng vụ	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Tài chính	2015
4	Xây dựng Thông tư quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Vận tải	2015

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
 (Ban hành kèm theo Quyết định 1385 /QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 4 năm 2015)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Hoàn thành đầu tư nâng cấp cảng Việt Trì-cảng Ninh Phúc	Ban Quản lý dự án đường thủy nội địa	Vụ Kế hoạch đầu tư, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	2015
2	Thí điểm đầu thầu bảo trì một số tuyến đường thủy nội địa	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ KCHT, Vụ TC	2016
3	Lập dự án đầu tư xây dựng cảng Phù Đổng	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Ban PPP	2016-2017
4	Cải tạo, nâng cấp kênh Chợ Gạo giai đoạn II, sông Hàm Luông; sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi đến cầu Bến Súc theo các hình thức PPP	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Ban PPP	2016-2020
5	Lập dự án đầu tư cải tạo nâng tuyến vận tải Vũng Tàu-Thị Vải-Sài Gòn-Mỹ Tho-Cần Thơ, tuyến vận tải thủy vùng hồ Sơn La, tuyến sông Đồng Nai	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Kế hoạch đầu tư	2016-2020